

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2024
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

* **Các hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Trần Xuân Viên

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

* **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phan Thị Ngọc Huyền -
Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:** Bà
Nguyễn Thị Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên
tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:
739/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2023 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 25/2024/QĐXX- ST ngày 18/3/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1983.** Có mặt

HKTT: Xóm VC3, xã PC, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

Tạm trú: Tổ 11, phường TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

* **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976.** Vắng mặt lần hai

HKTT: Xóm VC3, xã PC, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

Tạm trú: Tổ 11, phường TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, các bản khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn năm 2002 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Cường, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên và tổ chức cưới hỏi theo nghi thức truyền thống của dân tộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống tại xã Phú Cường, huyện Đại Từ, đến năm 2009 thì chuyển xuống tổ 11, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên để làm ăn buôn bán và cư trú tại đây. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh H rượu chè và có người phụ nữ khác

dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ đầu năm 2023, anh H vào miền nam làm ăn thì hai vợ chồng chỉ ly thân, thì thoảng anh H mới về thăm nhà. Từ trước tết âm lịch 2024 đến ngày 12/3/2024 anh H về nhà thăm vợ con, gia đình bố mẹ đẻ nhưng cả hai anh chị vẫn không hàn gắn được mâu thuẫn. Anh H không đồng ý ly hôn với chị vì cho rằng theo đạo không được ly hôn. Chị xác định không còn tình cảm với anh H, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Chị N khai có hai con chung là Nguyễn Huyền T, sinh ngày 10/8/2003 và Nguyễn Huy H1, sinh ngày 16/11/2009. Khi ly hôn Chị N có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung Nguyễn Huy H1 và không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con lớn Nguyễn Huyền T đã trên 18 tuổi không đề nghị giải quyết.

Tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không đề nghị giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H tại bản tự khai ngày 08/3/2024 trình bày:
Anh và Chị N kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Cường, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Đến năm 2023 thì vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xảy ra cãi vã nên đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Anh H vào miền nam làm ăn thì thoảng mới về thăm vợ con. Anh mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu Chị N nhất quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung, anh H khai có hai con chung là Nguyễn Huyền T, sinh ngày 10/8/2003 và Nguyễn Huy H1, sinh ngày 16/11/2009. Đối với con trai út (cháu H1), nếu vợ chồng anh ly hôn thì tùy cháu quyết định ở với bố hoặc mẹ, anh sẽ cấp dưỡng theo khả năng. Con gái T đã trên 18 tuổi nên không đề nghị giải quyết. Tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không đề nghị giải quyết.

Sau khi khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập, đồng thời tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, vụ án phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Trong phần tranh tụng, Chị N giữ nguyên quan điểm khởi kiện là đề nghị được ly hôn với anh H. Về con chung: Chị N có nguyện vọng nuôi dưỡng con là Nguyễn Huy H1, sinh ngày 16/11/2009 và không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Huyền T đã trên 18 tuổi không đề nghị giải quyết. Tài sản chung, công nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 BLTTDS; Tuân thủ quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N, cho Chị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Về con

chung: giao con chung Nguyễn Huy H1, sinh ngày 16/11/2009 cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng do các bên không yêu cầu. Đối với con chung là Nguyễn Huyền T đã trên 18 tuổi nên không giải quyết. Tài sản chung, công nợ chung không có. Buộc Chị N nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn đều đang cư trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ **Khoản 2** Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn H là hợp pháp. Quá trình chung sống Chị N và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến cãi vã. Chị N và anh H ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Chị N xác định không còn tình cảm với anh H mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng và đề nghị được ly hôn với anh H.

Bị đơn, anh H mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia hòa giải, xét xử. Tại phiên tòa, Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn và không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị N và anh H đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc Chị N đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

3. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là cháu Nguyễn Huyền T, sinh ngày 10/8/2003 và cháu Nguyễn Huy H1, sinh ngày 16/11/2009. Hội đồng xét xử thấy, Chị N có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Hoàng và không đề nghị anh H cấp dưỡng. Anh H trong bản tự khai cũng đồng ý để cháu Hoàng lựa chọn việc ở với bố hay mẹ. Cháu Hoàng trong bản tự khai ngày 06/3/2024 trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên ghi nhận, giao cháu Hoàng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Đối với con chung là Nguyễn Huyền T đã trên 18 tuổi nên không giải quyết. Việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án không giải quyết do chị N không yêu cầu.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không có, không giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; **khoản 2** Điều 227 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N. Cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Huy H1, sinh ngày 16/11/2009 cho Chị N trực nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Hoàng đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Đối với cháu Nguyễn Huyền T, sinh ngày 10/8/2003 đã trên 18 tuổi nên không giải quyết. Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án không giải quyết do Chị N không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0002278 ngày 21/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND nơi ND, BD cư trú;
- Các DS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tứ Xuân

